SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh; Thời gian ký: 04/04/2022 14:24:53 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2022/NQ-HĐND	*Long An, ngày 29 tháng 3 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X – KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 6 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 719/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 216/BC-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

"**Điều 3. Chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã:**

1. Về chức danh:

TT	Cấp xã loại 1 (14 chức danh)	TT	Cấp xã loại 2 (12 chức danh)	TT	Cấp xã loại 3 (10 chức danh)
1	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự đảm nhiệm Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự đảm nhiệm Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự đảm nhiệm Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
2	Nhân viên Thú y - Khuyến nông	2	Nhân viên Thú y - Khuyến nông	2	Nhân viên Thú y - Khuyến nông
3	Nhân viên Văn phòng cấp ủy – Tuyên giáo	3	Nhân viên Văn phòng cấp ủy – Tuyên giáo	3	Nhân viên Văn phòng cấp ủy – Tuyên giáo
4	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

5	Nhân viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng	5	Nhân viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng - Đài Truyền thanh	5	Nhân viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng - Đài Truyền thanh
6	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ	6	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ	6	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ
7	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra - Tổ chức Đảng	7	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra - Tổ chức Đảng	7	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra - Tổ chức Đảng
8	Kế toán - Ngân sách	8	Kế toán - Ngân sách	8	Kế toán - Ngân sách đảm nhiệm Kinh tế - Kế hoạch
9	Kinh tế - Kế hoạch	9	Kinh tế - Kế hoạch	9	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ
10	Nhân viên Đài truyền thanh	10	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM	10	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên CSHCM
11	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự	11	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ		
12	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM	12	Phó Chủ tịch Hội Nông dân		
13	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ				
14	Phó Chủ tịch Hội Nông dân				

a) Đối với cấp xã loại 3, tùy tình hình thực tế, địa phương quyết định nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội Nông dân do Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ hoặc Phó Bí thư Đoàn Thanh niên CSHCM đảm nhiệm.

b) Trường hợp phường loại 1, loại 2 không có tổ chức Hội Nông dân, địa phương xem xét, bố trí 01 Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh để thay thế cho chức danh Phó Chủ tịch Hội Nông dân không bố trí (trường hợp này, 01 chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự sẽ không đảm nhiệm Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh).

2. Về số lượng:

a) Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa không quá 14 người.

c) Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa không quá 12 người.

d) Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa không quá 10 người.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

"Điều 10. Mức khoán kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được khoán kinh phí hoạt động tối thiểu bằng với định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân cấp xã được khoán kinh phí hoạt động tối thiểu bằng với định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

a) Riêng Hội Nông dân cấp xã loại 3 tại điểm a, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết này được khoán kinh phí hoạt động tối thiểu (đã bao gồm định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh) như sau:

- Đối với cấp xã loại 3 thuộc vùng sâu: 34.400.000 đồng/năm/đơn vị

- Đối với cấp xã loại 3 còn lại: 31.400.000 đồng/năm/đơn vị.

b)Trường hợp cấp xã không có tổ chức Hội Nông dân thì không bố trí kinh phí hoạt động.

3. Hội Cựu chiến binh cấp xã được khoán mức tối thiểu (đã bao gồm định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh), như sau:

- Đối với cấp xã thuộc vùng sâu: 34.400.000 đồng/năm/đơn vị.

- Đối với cấp xã còn lại: 31.400.000 đồng/năm/đơn vị.

Riêng Hội Cựu chiến binh phường loại 1, loại 2 được bố trí theo điểm b, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết này được khoán mức tối thiểu (đã bao gồm định mức hoạt động chi thường xuyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh), như sau:

- Đối với phường loại 1, loại 2 thuộc vùng sâu: 40.000.000 đồng/năm/đơn vị.

- Đối với phường loại 1, loại 2 còn lại: 34.000.000 đồng/năm/đơn vị.

3. Bãi bỏ tiết 3 điểm a khoản 2 Điều 5 và điểm đ khoản 1 Điều 9.

4. Việc sắp xếp các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã điều chỉnh theo Nghị quyết này hoàn thành chậm nhất cuối quý III năm 2022.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa X, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:
- UB.TVQH (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VPQH;VPCP (b/c);
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Quốc Phòng;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP (P. CT HĐND – 2b);
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT; (ThT).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Nguyễn Văn Được